

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **62/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 06 -9 -2023
V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng
Bà Võ Thị Yên Lan.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Tổ A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh D, sinh năm 1970. Địa chỉ: XXX Wells AVE N Renton USA (Hoa Kỳ). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Huỳnh D đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2007 tại UBND phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2017 thì bà D qua Mỹ đoàn tụ gia đình theo diện bảo lãnh của con gái riêng của bà D. Sau đó, bà D bảo lãnh cho ông và con chung qua Mỹ vào

cuối tháng 6 năm 2020. Ông bà sinh sống ở Mỹ đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi cọ hằng ngày. Mâu thuẫn đỉnh điểm là vào khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2021, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn được nên rời Mỹ về Việt nam vào tháng 11 năm 2021 và ông bà đã ly thân cho đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh D.

Về con chung: Ông xác định ông và bà Huỳnh D có 01 con chung là Nguyễn N, sinh ngày 24/5/2004. Hiện con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

** Bị đơn bà Huỳnh D trình bày theo Bản tự khai ngày 16/02/2023, đơn trình bày ngày 23/8/2023 như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thì ông bà sống rất hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2017 thì bà đi Mỹ, sau đó bà bảo lãnh cho ông T và con gái sang Mỹ vào tháng 6 năm 2020. Trong thời gian sinh sống tại Mỹ thì vợ chồng có nhiều áp lực nên ông bà có lời qua tiếng lại, đến tháng 10 năm 2021, ông T về Việt Nam, quen người phụ nữ khác nên muốn ly hôn. Hiện tại, bà xác định sau thời gian tình cảm không hàn gắn được nên bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn T có 01 con chung là Nguyễn N, sinh ngày 24/5/2004. Hiện con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn T có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn T; địa chỉ: Tổ A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bà Huỳnh D; địa chỉ: XXX Wells AVE N Renton WA USA (Hoa Kỳ) nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên

đơn ông Nguyễn T và bị đơn bà Huỳnh D, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Huỳnh D theo đường dịch vụ bưu chính. Ngày 09/02/2023, bà Huỳnh D có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, có bản Tự khai và đơn trình bày về yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn T, xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Huỳnh D.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn T và bà Huỳnh D đăng ký kết hôn ngày 14/11/2007 tại UBND phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn T trình bày: Nguyên nhân ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh D là do: Năm 2020 khi ông bà chung sống với nhau tại Mỹ đã bắt đầu xuất hiện nhiều mâu thuẫn, ông không phù hợp với nếp sống tại nước Mỹ, vợ chồng liên tục cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến tháng 11/2021 ông về Việt Nam sinh sống, còn bà D vẫn sống ở Mỹ. Hiện ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với bà Huỳnh D.

Bà Huỳnh D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 16/02/2023, bà D không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, ngày 22/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, bà D có đơn trình bày ý kiến như sau: Sau một thời gian tình cảm không thể hàn gắn được, bà quyết định đồng ý ly hôn với ông T.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn T thấy: Năm 2017 sau khi bà D đi Mỹ, đến năm 2020 bà D làm thủ tục bảo lãnh cho ông T và con gái sang Mỹ cùng chung sống. Tuy nhiên, khi sinh sống ở Mỹ, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông T là do khác nhau về nếp sống và văn hóa Á - Âu, còn theo bà D thì vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Nay ông T và bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

HĐXX xét thấy, hiện nay ông T sống ở Việt Nam, bà D sống tại Mỹ, mỗi người sống mỗi nơi. Hôn nhân giữa ông T và bà D chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Do bà D vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX

không công nhận thuận tình ly hôn, mà cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông T và bà D xác định có 01 con chung là Nguyễn N, sinh ngày 24/5/2004. Hiện con chung đã đủ 18 tuổi, nên HĐXX không đề cập đến.

Về tài sản chung:

Bà D xác định bà và ông T có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T xác định ông và bà D không có tài sản chung.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp các bên đương sự, HĐXX không đề cập đến. Khi các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Ông T và bà D xác định không có nợ chung, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của ông Nguyễn T đối với bà Huỳnh D.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn T được ly hôn với bà Huỳnh D.
2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005099 ngày 02/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn T có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh D vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày

bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Vĩnh Trung;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

